|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /2023/TT-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [184/2015/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-174-2015-tt-btc-huong-dan-ke-toan-nghiep-vu-thue-thu-khac-hang-xuat-nhap-khau-284166.aspx%22%20%5Co%20%22Th%C3%B4ng%20t%C6%B0%20174/2015/TT-BTC%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số**14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023**của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số*[*184/2015/TT-BTC*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-174-2015-tt-btc-huong-dan-ke-toan-nghiep-vu-thue-thu-khac-hang-xuat-nhap-khau-284166.aspx)*ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [184/2015/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-174-2015-tt-btc-huong-dan-ke-toan-nghiep-vu-thue-thu-khac-hang-xuat-nhap-khau-284166.aspx%22%20%5Co%20%22Th%C3%B4ng%20t%C6%B0%20174/2015/TT-BTC%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**

**1.****Điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 1** **được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp thuế, người khai hải quan (sau đây gọi chung là người nộp thuế) theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế, khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan; tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước được ủy nhiệm thu thuế theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

đ) Ngân hàng thương mại, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, các tổ chức tín dụng khác thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là ngân hàng) và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước, thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.”

**2. Khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung và bổ sung khoản 17, khoản 18, khoản 19 Điều 2 như sau:**

“2. Cổng thanh toán điện tử Hải quan: là hệ thống kết nối, trao đổi, đối chiếu và cung cấp thông tin điện tử để phục vụ công tác thu nộp tiền thuế, phí, lệ phí, bảo lãnh thuế điện tử giữa cơ quan hải quan, cơ quan Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức liên quan đến thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và các cơ quan quản lý thực hiện kết nối qua một cửa quốc gia.

17. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: là các tổ chức không phải là ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung ứng dịch vụ ví điện tử; được quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

18. Chứng từ nộp ngân sách nhà nước: là bảng kê nộp thuế; giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; các chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước; biên lai thu thuế, phí, lệ phí, thu phạt vi phạm hành chính; chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp ngân sách nhà nước làm thủ tục nộp tiền; chứng từ chứng nhận nộp tiền vào ngân sách nhà nước của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích. Chứng từ nộp ngân sách nhà nước được thể hiện dưới dạng chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử; được sử dụng khi người nộp ngân sách nhà nước làm thủ tục nộp tiền hoặc khi Kho bạc Nhà nước, cơ quan thu, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cấp cho người nộp ngân sách nhà nước.

19. Nộp ngân sách nhà nước theo phương thức điện tử: là hình thức nộp ngân sách nhà nước thông qua Cổng thanh toán điện tử hải quan hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc qua các dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và các quy định pháp luật khác có liên quan.”

**3. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

Xác định ngày nộp tiền thuế thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Quản lý thuế.

**4. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Chứng từ nộp ngân sách nhà nước, trình tự nộp ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số [11/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-11-2020-nd-cp-thu-tuc-hanh-chinh-thuoc-linh-vuc-kho-bac-nha-nuoc-433293.aspx) ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước”.

**5. Bổ sung Điều 8a như sau:**

**“Điều 8a. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kết nối, trao đổi thông tin thu ngân sách nhà nước đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu**

1. Tổ chức được Ngân hàng nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện thu nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp với Tổng cục Hải quan để kết nối, trao đổi thông tin với Cổng thanh toán điện tử hải quan đảm bảo thực hiện thanh toán thu nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải thực hiện các yêu cầu đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 23/2019/TT-NHNN ngày 22/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước.

4. Đảm bảo khả năng thanh toán theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 23/2019/TT-NHNN ngày 22/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước.”

**6. Khoản 1, khoản 4 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Xác định, kê khai chính xác, đầy đủ các thông tin nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác trên bảng kê nộp tiền, giấy nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước hoặc giấy nộp tiền phí gửi ngân hàng để nộp tiền hoặc yêu cầu trích chuyển tiền nộp thuế, phí**.**

4. Phối hợp với ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cơ quan hải quan xử lý sai sót khi chuyển tiền tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác hoặc bảo lãnh thuế điện tử.”

**7. Khoản 10 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“10. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, ngân hàng ủy nhiệm thu, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cơ quan hải quan và cơ quan quản lý xử lý sai sót khi chuyển tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác hoặc bảo lãnh thuế điện tử.”

**8. Khoản 2, khoản 3 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Sau khi nhận lệnh thanh toán nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác từ ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng chưa phối hợp thu, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện chuyển tiền thanh toán và hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu theo đúng quy định.

3. Trường hợp đối chiếu có phát sinh chênh lệch sốtiềnnộpvào ngân sách từ ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng chưa phối hợp thu, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, có trách nhiệm tra soát với cơ quan Kho bạc Nhà nước và thông báo lại cho các bên liên quan xử lý kịp thời tiền vào ngân sách nhà nước.”

**9. Bổ sung Điều 13a như sau:**

**“Điều 13a. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

1. Cung cấp các dịch vụ thu, nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác để người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp ngân sách nhà nước và bằng phương thức điện tử.

2. Hướng dẫn người nộp thuế kê khai nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

Trường hợp người nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, phí, lệ phí, các khoản thu khác cho nhiều tờ khai, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hướng dẫn người nộp thuế kê khai số tờ khai, ngày đăng ký tờ khai, nội dung khoản nộp ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/BKNT ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

3. Bảo mật thông tin của người nộp thuế khi đã truy xuất từ Cổng thanh toán điện tử hải quan theo đúng quy định của pháp luật về bảo mật thông tin và văn bản thỏa thuận hợp tác đã ký với Tổng cục Hải quan.

4. Truyền thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, tài khoản thu phí (trường hợp thu nộp phí cho các cơ quan quản lý nhà nước) qua Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định tại Điều 17, Điều 22, Điều 23 của Thông tư này.

5. Chuyển tiền thanh toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu.

6. Cập nhật và truyền đầy đủ, chính xác thông tin trên chứng từ chuyển tiền cho ngân hàng ủy nhiệm thu.

7. Chịu trách nhiệm về thông tin số tiền đã thu truyền sang Cổng thanh toán điện tử hải quan đến khi hạch toán vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước.

8. Chỉ được phép sử dụng thông tin do Tổng cục Hải quan cung cấp vào mục đích thu nộp tiền thuế, thanh toán quốc tế không sử dụng vào mục đích khác.

9. Không được hủy lệnh chuyển tiền khi thông tin nộp tiền đã được Cổng thanh toán điện tử hải quan xác nhận thành công, trừ trường hợp được cơ quan hải quan chấp thuận hủy lệnh chuyển tiền. Trường hợp có sai sót thì xử lý theo trình tự tại Điều 25a Thông tư này.

10. Phối hợp với ngân hàng ủy nhiệm thu, cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan để xử lý sai sót trong quá trình thực hiện.”

**10. Bổ sung khoản 16 Điều 14 như sau:**

“16. Cung cấp đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này cho các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và phối hợp xử lý sai sót trong quá trình thực hiện.”

**11. Bổ sung Điều 17a như sau:**

**“Điều 17a. Thu, nộp ngân sách nhà nước qua tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

1. Người nộp thuế được sử dụng hệ thống của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc Cổng thanh toán điện tử hải quan để lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước hoặc yêu cầu trích chuyển tiền nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp người nộp thuế phải nộp ngân sách nhà nước vào tài khoản thu khác nhau, thì phải lập riêng bảng kê tương ứng với từng tài khoản thu theo mẫu số 01/BKNT ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

2. Hệ thống công nghệ thông tin của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kiểm tra thông tin người nộp thuế lập, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan để xử lý như sau:

a) Trường hợp thông tin phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, hệ thống công nghệ thông tin xử lý trích tiền của người nộp thuế chuyển nộp ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Trường hợp thông tin chưa phù hợp (trừ thông tin về số tiền) hoặc không có trên Cổng thanh toán điện tử hải quan hệ thống công nghệ thông tin thông báo cho người nộp thuế để kiểm tra lại thông tin về các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan hải quan sử dụng hệ thống điện tử tự động để kiểm tra thông tin do tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này.

4. Trường hợp hệ thống đường truyền gặp sự cố, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thông báo bằng email nội bộ cho cơ quan hải quan, ngân hàng phối hợp thu và các bên có liên quan (nếu có) tương tự các bước quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 24 Thông tư này.”

**12. Bổ sung Điều 25a như sau:**

“**Điều 25a. Đối chiếu số liệu và xử lý sai sót giữa cơ quan hải quan với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

1. Cơ quan hải quan và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện đối chiếu toàn bộ thông tin đã gửi đến Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 25 Thông tư này.

Trường hợp thông tin sau khi đối chiếu có sai sót hoặc không nhận được thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước do Kho bạc Nhà nước chuyển đến thì tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm làm rõ nguyên nhân chưa chuyển thông tin thu sang Kho bạc Nhà nước, giải trình với cơ quan hải quan về việc chưa chuyển thông tin thu sang Kho bạc Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải nộp tiền thuế và tiền chậm nộp (phát sinh do nguyên nhân chủ quan của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán) tính tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Quản lý thuế.

2. Thực hiện đối chiếu

a) Hàng ngày cơ quan hải quan kiểm tra, rà soát các khoản thu của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã truyền qua Cổng thanh toán điện tử hải quan đã được nộp vào ngân sách nhà nước, được hạch toán thanh khoản nợ đối chiếu với bảng kê thông tin giấy nộp tiền do Kho bạc Nhà nước chuyển để xác định các khoản tiền do tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chậm chuyển; thông báo cho tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán về những chứng từ không nhận được thông tin giấy nộp tiền từ Kho bạc Nhà nước;

b) Cơ quan hải quan phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kiểm tra giấy nộp tiền do doanh nghiệp xuất trình khi hệ thống các bên gặp sự cố;

c) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp với các Cục Hải quan, Chi cục Hải quan liên quan xử lý chậm chuyển tiền vào ngân sách nhà nước;

d) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán vi phạm thời gian chuyển tiền theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP, Tổng cục Hải quan đã có văn bản thông báo nhưng không khắc phục thì Tổng cục Hải quan thông báo dừng việc phối hợp thu ngân sách nhà nước.

3. Việc đối chiếu số liệu và xử lý sai sót trong đối chiếu giữa cơ quan hải quan với ngân hàng phối hợp thu thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này. Việc xử lý sai sót giữa các bên có liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này.”

**13. Bổ sung khoản 9 Điều 27 như sau:**

“9. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã chuyển tiền và chuyển thông tin nộp ngân sách nhà nước sang ngân hàng ủy nhiệm thu/Kho bạc Nhà nước, đồng thời chuyển thông tin nộp tiền sang Cổng thanh toán điện tử hải quan và được hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, trường hợp phát hiện sai sót thì tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán lập thư tra soát gửi cơ quan hải quan nơi người nộp thuế đăng ký tờ khai để xác nhận thông tin thu ngân sách, đồng thời gửi ngân hàng ủy nhiệm thu/Kho bạc Nhà nước để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót để cơ quan hải quan thực hiện thông quan hàng hóa;

b) Trường hợp chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế thì tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có văn bản đề nghị xác nhận khoản tiền chuyển thừa gửi ngân hàng ủy nhiệm thu và cơ quan hải quan nơi mở tờ khai để xác nhận khoản tiền đã chuyển thừa; nguyên tắc thực hiện hoàn trả theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều này.”

**14. Sửa đổi, bổ sung cụm từ tại Thông tư số**[**184/2015/TT-BTC**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-174-2015-tt-btc-huong-dan-ke-toan-nghiep-vu-thue-thu-khac-hang-xuat-nhap-khau-284166.aspx)**ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính**

1. Thay thế cụm từ "phí, lệ phí hải quan" thành “phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh”.

2. Thay thế cụm từ “lệ phí hải quan” thành “phí hải quan”.

**Điều 2.** **Bãi bỏ một số nội dung ban hành kèm theo Thông tư số** [**184/2015/TT-BTC**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-174-2015-tt-btc-huong-dan-ke-toan-nghiep-vu-thue-thu-khac-hang-xuat-nhap-khau-284166.aspx)**ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính**

1. Bãi bỏ khoản 3, khoản 5 Điều 2 Thông tư số [184/2015/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-174-2015-tt-btc-huong-dan-ke-toan-nghiep-vu-thue-thu-khac-hang-xuat-nhap-khau-284166.aspx).

2. Bãi bỏ mẫu bảng kê nộp thuế (Mẫu số: 01/NKNT), giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (Mẫu số: C1-02/NS) ban hành kèm theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC.

**Điều 3.** **Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc Hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Tòa án Nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát Nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước;- Hội đồng dân tộc; - Ủy ban pháp luật (Quốc hội);- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;- Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố;- Công báo;- Website Chính phủ;- Website Bộ Tài chính;- Website Tổng cục Hải quan;- Lưu: VT, TCHQ (…b). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG** |